

Số: 35/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bạc Thị N**, sinh năm 1994. Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bạc Thị N và anh Nguyễn Tiến T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bạc Thị N và anh Nguyễn Tiến T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Bạc Thị N và anh Nguyễn Tiến T có 02 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 25/03/2017 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 06/6/2018. Chị N được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tài, còn anh T được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến khi các con thành niên và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về; Nợ phải trả; Diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, nhưng chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu tiền số 0004875 ngày 05/01/2022, chị N đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên